

TÀU FRANKLIN đến Sài Gòn 199 năm trước: cuộc giao lưu văn hóa đầu tiên Mỹ - Việt

Nguyễn Lạc Gia

Chiếc thuyền Mỹ Franklin của John White vào lúc ngang qua vùng biển Portovenere, gần thành phố La Spezia (thuộc Italia) vào năm 1819.

SẢN VẬT PHONG PHÚ XỨ NAM KỲ ĐÃ CUỐN HÚT CÁC TÀU BUÔN NGOẠI QUỐC ĐẾN VỚI THƯƠNG CẢNG SÀI GÒN, TRONG ĐÓ CÓ TÀU THUYỀN NGƯỜI MỸ. JOHN WHITE CHỈ HUY TÀU BUỒM FRANKLIN TRONG KHI TIẾN HÀNH MẬU DỊCH ĐÃ CÓ NHỮNG KHÁM PHÁ KỲ THÚ VỀ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI NƠI ĐÂY. ÔNG VỐN LÀ THÀNH VIÊN CỦA EAST-INDIA MARINE SOCIETY NÊN ĐÃ MANG VỀ CHO NHÀ BẢO TÀNG CỦA HỘI NÀY MỘT SỐ HIỆN VẬT TRUNG BÀY QUÝ HIẾM. ĐÂY CŨNG CHÍNH LÀ PHƯƠNG CÁCH GIAO LƯU VĂN HÓA MỸ - VIỆT ĐẦU TIÊN VÀO BUỔI ĐẦU THẾ KỶ XIX.

Khởi hành từ Salem vào ngày 2-1-1819, tàu Franklin do Trung úy John White chỉ huy bắt đầu dấn thân vào cuộc hải hành. Nửa năm sau, ngày 7-6-1819 tàu thả neo tại Cap Saint Jacques và có cuộc tiếp xúc đầu tiên với người Việt Nam bản địa. Nhưng phải đợi đến ngày 25-9-1819 những người Mỹ trên cả hai chiếc tàu buồm Franklin và Marmion mới xuất hiện trở lại Cap Saint Jacques và nhận được cơ hội ngược dòng Đồng Nai để cập cảng Sài Gòn. Cuộc giao thương giữa người Mỹ với xứ Nam kỳ hay miền Nam Cochinchina theo cách gọi của các nhà du hành phương Tây chính thức bắt đầu từ đây.

Hồi ký của J. White ấn hành năm 1823 bởi Nhà xuất bản Well anh Lilly tại Boston (Mỹ) nhan đề

Chuyện của một người đi du hành trong biển Trung Hoa (History of a Voyage to the China Sea) đã lập tức được tái bản vào ngay năm sau tại London (Anh) bởi Nhà xuất bản A. & R. Spottiswood với tên gọi mới Chuyến đi đến Nam Hà (A Voyage to Cochinchina). Sự kiện cho thấy sự hấp dẫn mà tác phẩm đem lại cho độc giả, song điều quan trọng hơn là đã có một sự cập nhật những nhận thức mới liên quan đến tên gọi Biển Đông, vì rằng trước nay không ít các nhà địa lý và hàng hải phương Tây gọi tên Biển Đông là Biển Trung Hoa (China Sea) hoặc Biển Nam Trung Hoa (South China Sea). Có thể chính tác giả J. White hoặc Nhà xuất bản A. & R. Spottiswood tại New-Street Square của Anh

(Xem tiếp trang 36)

Tàu Franklin đến Sài Gòn... (Tiếp theo trang 33)

quốc đã kịp nhận ra sự bất cập này mà thay đổi danh xưng từ “Biển Trung Hoa” thành xứ “Nam Hà”, ý chỉ xứ Đàng Trong cũ (Cochinchina) của Vương quốc Việt Nam hiện thời. Thực chất của vấn đề là xác nhận chủ quyền đối với quần đảo Paracels, với hàm ý bao gồm Hoàng Sa và Trường Sa theo cách gọi về sau của nhà nước phong kiến Việt Nam.

Ngoài giá trị là tài liệu minh chứng chủ quyền biển đảo cực kỳ quý giá nói trên, cuốn hồi ký của J. White còn cho biết một cuộc giao lưu văn hóa độc đáo giữa hai dân tộc khác biệt châu lục Việt - Mỹ cũng đã chính thức mở đầu.

Cho dù kết quả mậu dịch không đạt được mục tiêu đặt ra ban đầu, song John White cùng với tàu Franklin đã trải qua một cuộc du hành và trải nghiệm hàng hóa ở xứ Nam kỳ vô cùng ý nghĩa. Nếu như ở Manille (Luzon) hay Batavia (Java), hành trình của tàu Franklin và J. White dừng chân chỉ để đổi tiền hoặc cất thêm hàng hóa cho đủ số, thì từ Sài Gòn ông đã mang về cho East-India Marine Society of Salem (Hiệp Hội Hàng hải Đông Ấn của Salem) một bảng danh mục kê khai hiện vật thật sự ấn tượng. Tám trong tổng số chín loại hiện vật này đã được trưng bày tại đây cùng với cuốn hồi ký nổi tiếng như đã đề cập.

Những hiện vật của xứ Nam kỳ triển lãm tại Bảo tàng Mỹ quốc

1. Trong khi mô tả những con voi nhìn thấy ở Sài Gòn mà White khẳng định là chắc chắn to lớn đồ sộ hơn voi ở Ấn Độ, tương ứng với bản tính hung dữ và thường hay phá phách của chúng, ông cho biết: “Thật là điều thú vị để thấy những người bán hàng già cả vừa lật đặt thu dọn hàng hóa của họ, vừa cầu nhau rút lui một khoảng xa rất kính cẩn mỗi khi có những con vật to lớn ấy đến uống nước ở sông hoặc đã uống nước từ sông trở về. Khi chạy đi ngang chúng tôi, chúng đi chậm bước lại và hình như chúng đang ngắm nghía với nhiều thú vị, cái cảnh mới mà về mặt da trắng và áo quần châu Âu của chúng tôi đã bày ra trước mắt chúng. Thoạt đầu chúng tôi không phải không hiểu khi thấy cái nhìn dữ dội và sự chú ý đáng lưu ý của những con vật to lớn đồ sộ ấy. Chính người An-nam hình như cũng sợ sẽ xảy ra một tai nạn khủng khiếp cho chúng tôi, và họ đã mời chúng tôi thay áo quần của xứ sở họ. Chúng tôi đã theo lời khuyên ấy nhiều lần, mỗi lần như vậy đều làm cho họ cảm thấy niềm vui thích lớn, vì họ lấy đó làm một điều chúc mừng. Ngoài ra, chúng tôi cũng rút từ đó ra nhiều lợi lộc khác, vì chúng tôi mang những áo quần của một ông quan văn nhị phẩm, điều này đã đem lại cho chúng tôi nhiều sự kính

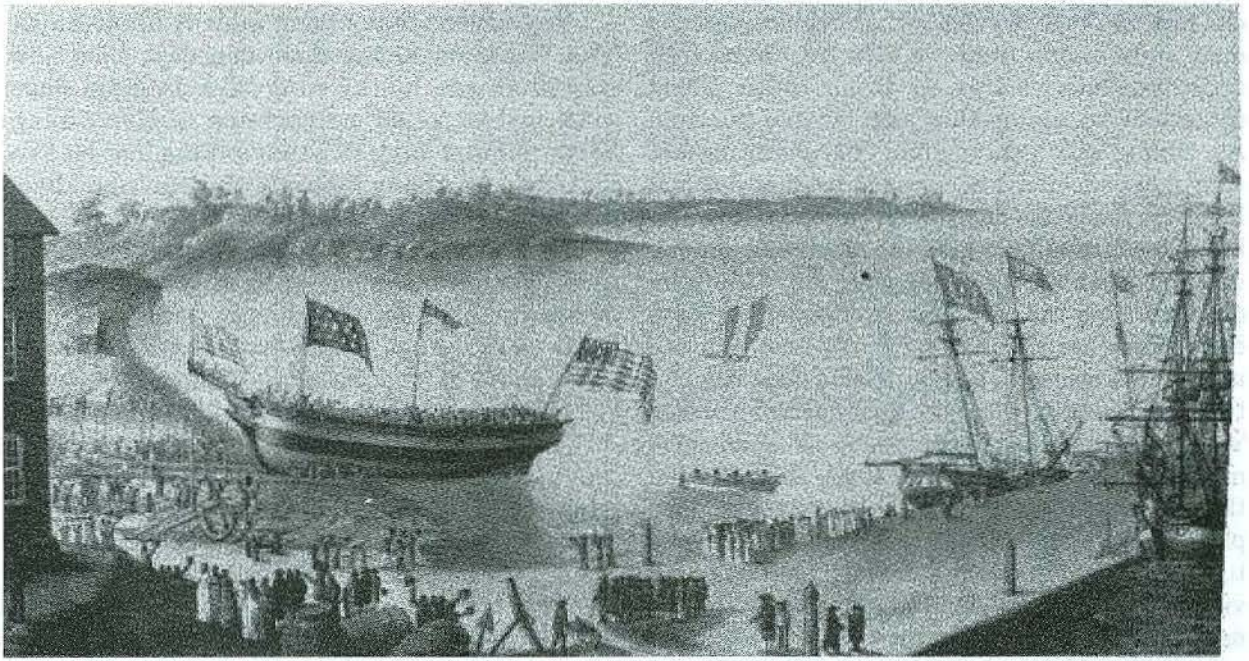
trọng kể từ phía dân chúng. Bộ áo quần mà chính tôi đã mặc ấy thì hiện nay đang được trưng bày ở Bảo tàng East-India Marine Society (Hiệp Hội Hàng hải Đông Ấn) ở Salem”⁽¹⁾. Như vậy, hiện vật đầu tiên mà White trưng diện ở Bảo tàng là bộ áo quần của một vị quan chức mang hàm nhị phẩm người Việt Nam ở Sài Gòn.

2. Trong một câu chuyện với quan Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt về loài vật có sức mạnh và sức chạy phi thường là con tê giác, White đặt nó trong sự đối sánh với loài hổ và cho biết rằng “Con cạp phổ thông của xứ Nam kỳ không phải là đáng sợ lắm, mà con cạp mặt có chữ Vương mới là con vật đáng khùng khiếp. Quan Tổng trấn đã biếu tặng một con cạp của giống nói trên đây cho mỗi vị thuyền trưởng của mỗi chiếc tàu [tàu Franklin và tàu Marmion - TG]. Con cạp của tôi là một con cạp cái đẹp lông lầy mới được hai tuổi, nó cao được 3 piê và dài 5 piê [1 piê = 0,3m - NVG]. Da con hổ này hiện nay trưng tàng ở Bảo tàng của Hội East-India Marine Society ở Salem. Thời tiết xấu đã làm cho chúng tôi đánh mất những con chó nhỏ và những con dê con dự trữ của chúng tôi mà chúng tôi đã chuẩn bị nuôi con hổ cái ấy khi trở về, cho nên buộc lòng chúng tôi phải giết nó”⁽²⁾.

Được biết, con hổ con của White từng có một tình bạn thắm thiết với một con chó con cũng đã được ông mang theo về Mỹ. Cho dù con hổ này chưa bao giờ từ chối trước bất kỳ con mồi nào, tuy nhiên nó lại tỏ ra đặc biệt ưu ái đối với con chó nhỏ bé đó. Vậy là bộ da hổ trưng bày ở Salem đã vĩnh viễn ẩn tàng trong sâu thẳm sinh linh một tình bằng hữu hoang sơ giữa hai loài khác giống.

3. Quan hệ thương mại được thực hiện thông qua những trị giá khác nhau của đồng tiền. Theo quan sát của White, “Các đơn vị tiền tệ ở Nam kỳ là ‘quan’, ‘tuyen’ (tiền) và ‘dong’ (đồng). ‘Đồng’ là một đơn vị tiền tệ bằng may-so (maillachort, tức hợp kim) hay một hợp kim lấy đồng làm cơ sở, ‘đồng’ có hơi nhỏ hơn đồng ‘Shilling’ của Anh. Mỗi ‘đồng’ có đục ở giữa một cái lỗ vuông. Người ta xâu những đồng ấy lại với nhau bằng một sợi dây làm bằng chỉ bẹ lá cây thom (dứa). Sáu mươi ‘đồng’ làm một ‘tiền’. Mười ‘tiền’ hay sáu trăm ‘đồng’ làm một ‘quan’. Sợi chuỗi xâu được chia thành hai phần bởi một gút thắt phân chia mười tiền, hay sáu trăm đồng ấy thành hai phần bằng nhau. Hai đầu mút chuỗi xâu được cột lại với nhau. Những mẫu vật của mỗi loại tiền tệ đều có tàng trữ tại Bảo tàng của Hội East-India Marine”⁽³⁾.

4. Cùng với tiền đồng, White cũng mang theo về Mỹ quốc một loại bạc nén với sự am tường trị giá của từng loại bạc nén hay vàng nén. White mô tả: “Người ta cũng lưu hành những nén vàng và



Tàu Franklin được đóng theo mẫu hình chiếc Fame hạ thủy năm 1802 tại hải cảng Salem

nén bạc. Một trong ba loại nén bạc có giá trị bằng 32 ‘quan’, một loại nén khác có giá trị bằng 27 ‘quan’. Có những dấu hiệu khác nhau đã phân biệt các loại nén vàng nén bạc ấy. Một mẫu nén bạc có giá trị bằng ba ‘quan’ năm ‘tiền’, nghĩa là một đô la bảy mươi lăm (...) Chỉ một sự phát hành mới đây đã tạo ra sự lưu hành ngang giá, trong khi những nén bạc đã phát hành từ trước đã mất đi từ 20 đến 30% giá trị danh nghĩa và chúng phải do một đạo chỉ dụ của nhà vua, quay trở lại với tính cách tiền tệ... Một nén bạc có giá trị ngang ba ‘quan’ năm ‘tiền’ khi tôi rời xứ này, đã được chính tôi đem trưng bày ở Bảo tàng viện East-India Marine⁽⁵⁾.

5. Rắn là loài động vật đa dạng và có khắp xứ Nam kỳ, được người dân sử dụng như một nguồn thực phẩm giàu dưỡng chất. White cho biết rằng “Người ta thường thấy nhiều loại rắn khác nhau bơi lội trong dòng sông, trong số nhiều giống khác thì có giống rắn mang bành Capella hoặc rắn mang bành có mũ và một loại rắn độc nhỏ màu xám mà vết cắn của nó hầu như không tránh khỏi tử vong. Người ta nói rằng thứ rắn này không thấy trong ánh sáng ban ngày, nhưng nó có cái nhìn rất tinh trong ban đêm. Tôi đã giết được một con hiện đang để ở Bảo tàng East-India Marine Society (Hội Hải thương Đông Ấn). Nó từ dưới sông bò lên và lên cao nằm ngù trên cái cọc chèo nơi chiếc thuyền của tôi, gần đầu tôi, một hôm tôi định đi lên bờ và [rồi] tôi phải nằm dài trong mũi thuyền. Ông trung úy thứ hai của tàu Franklin đã theo con rắn ấy bằng chiếc thuyền nhỏ trong khoảng một dặm. Nhiều lần bị thương bởi cái sào móc mà ông sĩ quan đã được trang bị, con rắn đã lộng lộn một cách đáng sợ cho đến lúc nó lẩn tránh được mọi sự truy đuổi

bằng cách lao đầu xuống dưới những chiếc thuyền bản xứ”⁽⁶⁾.

6. Ở một xứ sở mà sông ngòi và kênh rạch chi chít, phương tiện chuyển vận trên bộ đối với con người nói riêng trong những tình huống đặc biệt thường được sử dụng ngựa, voi, kiệu, vông. Từng được đi trên một trong những phương tiện ấy, White mô tả: “Không có xe bốn bánh ở xứ Cochinchine, dù cho để dùng như thế nào đi nữa. Những người ở tầng lớp quý tộc giàu sang thì đi vông đan bằng lưới bông, thường có màu xanh, trong vông đó người ta thường trang bị một cái nệm và những cái gối. Cái vông treo vào một đòn cong và bên trên có một cái mái che giống như một cái mu rùa rất lớn và được sơn đen bóng láng làm cho vông không thể bị mưa dột ướt. Sáu phu khiêng, ba người một đầu, gánh vông ấy. Bởi vậy, khi tôi bị nhiễm bệnh tôi buộc phải dùng một trong những phương tiện chuyên chở ấy, hiện nay cái vông ấy được trình bày ở viện Bảo tàng East-India Marine⁽⁷⁾.

8. Trước lúc rời thương cảng Sài Gòn, hai chiếc tàu Mỹ đã được phái viên đặc trách của triều đình Huế đề nghị thỏa thuận một hợp đồng thương mại lớn, theo đó các tàu Mỹ sẽ được mua đường mía cùng các hàng hóa khác với giá rẻ và số lượng lớn, ngược lại họ phải cung ứng cho phía triều đình những loại hàng Tây phương đặt theo yêu cầu, trong đó phần lớn là hàng quân sự. White cho biết trong hồi ký như sau về bảng danh mục hàng hóa này:

“Quan Ký lục (Phó vương), trong một cuộc viếng thăm mới đây, đã tuyên bố rằng nhà vua muốn chúng tôi cam kết bằng hợp đồng cung cấp

cho nhà vua một số súng lớn, những áo quần cho quân lính, những tranh vẽ biểu thị những trận đánh trên biển và trên bộ, tranh vẽ các phong cảnh châu Âu, những khảo luận lập luật của châu Âu, những sách lịch sử châu Âu, những vũ khí súng đạn và loại vũ khí cung tên lao mác được tôi luyện tốt và chế tạo đẹp, những vật bằng thủy tinh hữu ích có trang trí; nhiều tác phẩm văn chương và khoa học khác nhau của châu Âu. Chúng tôi được trả bằng các sản phẩm trong xứ, và hưởng được những ưu tiên, những khoản tiền phụ cấp mà các nước khác thì đều bị từ chối, đó là sự miễn thuế thả neo trong vịnh tàu đậu, miễn nộp những 'sagouètes' [quà biếu bắt buộc cho các quan chức, mang tính cách như một loại thuế - TG] và miễn thuế tất cả các loại. Mặt khác, chúng tôi lại được phép đi vào bất cứ một cảng sông nào và buôn bán tự do với thần dân của nhà vua. Vài ngày sau, một vị quan Khâm mạng đến mở những cuộc thương nghị chính thức với chúng tôi. Ông ta có một cuộn giấy to chứa đựng những bản vẽ rất rõ ràng về súng thần công đủ các cỡ nòng súng và đủ mọi kích thước, tuy nhiên không vượt quá cỡ nòng 6. Mặt khác, có một danh sách dài kê khai các vật mà nhà vua muốn có sự giao hàng vào năm sau. Nhưng vì chúng tôi không thể quyết định với quan Khâm mạng đặc vụ đại thần về giá cả mà người ta sẽ trả cho các vật được đề nghị, và vì ông từ khước quyết liệt thảo văn bản mà họ có thể sẽ chấp nhận nếu chỉ có khả năng cung cấp một số chi tiết gần với các kiểu thức được tưởng tượng bởi sở thích riêng của nhà vua đưa ra, chúng tôi từ chối cam kết chịu trách nhiệm về phần chúng tôi, và chúng tôi không chấp nhận nhiệm vụ giao cho chúng tôi.

Tôi đã trình bày ở nhà Bảo tàng của Hội East-India Marine, tờ danh sách nguyên bản gốc kê các vật mà nhà vua muốn đòi hỏi ở chúng tôi. Một bản dịch của tư liệu lạ kỳ và thú vị ấy đã được thực hiện bởi sự trung gian của các thông ngôn, các giáo sĩ, của Pasqual [thông ngôn kiêm giao dịch viên] và của Joachim [hoa tiêu], thì đáng tiếc là đã mất. Một bản dịch mới hình như, tôi chắc có điều này, rất thú vị đối với những người thích biết về đề tài này⁽⁹⁾.

Do vậy, bảng kê danh mục hàng mua của triều đình dành cho người Mỹ chỉ có giá trị chứng tích lưu niệm mà thôi.

Thay cho lời kết

Có lẽ ước muốn được sở hữu một giống lúa xứ Nam kỳ với đặc tính chịu đựng sự khô hạn để có thể gieo trồng trên những vùng bình nguyên nước Mỹ của nhà ngoại giao thông thái Thomas Jefferson từ thời khai quốc⁽¹¹⁾ vẫn luôn âm ỉ cháy khát trong lòng hậu thế, thuyền trưởng John White đã chú tâm tìm hiểu các giống lúa nơi này khi cập cảng Sài Gòn lúc 1819-1820.

Tuy nhiên, thật không may vì nhiệt huyết của White đã không được đền đáp, theo như xác nhận của hồi ký rằng "Tôi đã kiếm được năm loại và tôi đã mang chúng về Hợp Chúng Quốc. Nhưng đáng tiếc thay những loài bọ đậu dài hoặc tôi không biết một thứ sâu nào khác, đã phá hủy những mầm lúa"⁽¹³⁾.

Nếu sự cố này không xảy ra, chắc hẳn phần lớn hạt lúa giống xứ Nam kỳ đã được đem trồng thử nghiệm trên những cánh đồng Mỹ quốc và số ít khác sẽ đem trưng bày ở Bảo tàng East-India Marine Society of Salem.

Như vậy, có thể nói giao lưu văn hóa Việt - Mỹ đã được đặt ra ngay từ thời khai quốc, khi mà vị Tổng thống thứ ba của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (1801-1809) đang thực thi nhiệm vụ Đại sứ tại Pháp quốc. Tuy nhiên, lịch sử mối bang giao đặc thù này phải đợi đến thời Tổng thống James Monroe (1817-1825) mới ghi được dấu mốc đầu tiên. Thuyền trưởng John White cùng với thủy thủ đoàn của tàu Franklin trở thành những sứ giả thực sự của công cuộc khám phá độc đáo này. Nên chăng chọn lấy ngày tàu Franklin cập bến cảng Sài Gòn, ngày 7-10-1819 làm sự kiện khai mở tiến trình giao lưu văn hóa có lẽ sớm nhất giữa Mỹ với Việt Nam nói riêng và với các quốc gia vùng châu Á - Thái Bình Dương? ■

CHÚ THÍCH

* Đoạn mô tả này tỏ ra mâu thuẫn. Chúng tôi giữ nguyên văn theo bản dịch.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13. Midan, P. "Những người Âu đã thấy Huế xưa: John White"; trong: Hà Xuân Liêm (dịch), *Những người bạn cố đô Huế*, Tập XXIV, Năm 1937, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2010, tr.372-373, 397, 399, 400, 447, 454, 465, 475-477, 494, 394.

11. Miller, Robert Hopkins, *Thuyền Mỹ cập bến Nam kỳ 1802...*; dẫn theo:

www.namkyluctinh.com/a-lichsu/thuocdiaphap/rhmillier-mydenamky1802.pdf

Nguồn: gio-o.com/The United States and Vietnam 1787-1941, Robert Hopkins Miller, National Defense University Press, Washington D. C., 1990, tr.1-9.

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí *Xưa&Nay* số 491 (1-2018), tit bài trang 9, xin đọc lại là: "460 năm Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa (1558-2018)"

- Chú thích ảnh trang 10 xin đọc lại: "Sắc phong của vua Lê năm 1596 cho Lương Văn Chánh".

Chân thành cáo lỗi đến tác giả và bạn đọc.

X&N